

Bản án số: 561/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26-7-2019

V/v: *Ly hôn*.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phương Thảo

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Hữu Thắng

2. Bà Phan Thị Bé

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Bùi Thị Xuân Thu, Thư ký  
Tòa án nhân dân Quận 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9 tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Ngọc Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 9 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 10/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2019 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/7/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1984

Địa chỉ: 2/15C đường 147, tổ 7, khu phố 5, phường B, Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1981

Địa chỉ: 2/15C đường 147, tổ 7, khu phố 5, phường B, Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN THẤY:**

Trong đơn xin ly hôn ngày 29/11/2018 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là bà Trần Thị Thu H trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn P tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân phường B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 54/2003, quyền số 01 ngày 30/6/2003. Cuộc sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc, do ông P không lo làm ăn phụ giúp gia đình mà thường xuyên uống rượu. Bà nhiều lần khuyên nhủ mà không được nên bà dẫn con về nhà mẹ ruột ở từ năm 2011 để chờ ông P thay đổi biết tu chí làm ăn nhưng đến nay ông P vẫn không thay đổi, không lo làm ăn. Bà xác định không còn tình cảm với ông P, vợ chồng không thể hàn gắn và tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông P.

Về con chung: Bà và ông P có một người con chung Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 19/4/2004. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn P dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để tham gia tố tụng cũng như không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn ông P, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 19/4/2004, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ông Nguyễn Văn P vắng mặt.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, hội đồng xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật. Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật, tuân theo nội quy phiên tòa. Đương sự có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu H. Bà H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **XÉT THẤY:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị Thu H và ông Nguyễn Văn P đã được Ủy ban nhân dân phường B, Quận 9 cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 54/2003, quyền số 01 ngày 30/6/2003. Bà H yêu cầu ly hôn với lý do cuộc sống chung giữa hai vợ chồng không hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn và ông Nguyễn Văn P cư trú tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là ông Nguyễn Văn P dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông P theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Theo lời khai của bà H thì vợ chồng bà tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2003. Cuộc sống chung có nhiều mâu thuẫn do ông P không có trách nhiệm với gia đình dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ năm 2011 đến nay.

Ngày 04 tháng 01 năm 2019, Tòa án nhân dân Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh thụ lý vụ án hôn nhân gia đình do bà Trần Thị Thu H là người khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn P. Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý và triệu tập họp lệ theo quy định của pháp luật cho ông P đến Tòa án để ghi lời khai, hòa giải nhưng ông P vẫn vắng mặt không có lý do, điều đó chứng tỏ ông P không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, chưa thực sự coi trọng tình nghĩa vợ chồng.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 qui định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình... Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...”*

Xét quá trình sống chung giữa đôi bên thực tế có xảy ra mâu thuẫn, đôi bên ly thân thời gian dài, giữa vợ chồng không còn tình cảm, không còn sự thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc bà H yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông P là có cơ sở giải quyết.

[3.2] Về con chung: Xét lời trình bày nguyện vọng của người con Nguyễn Tấn Ph có nguyện vọng được ở với mẹ và bà H mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung là hoàn toàn tự nguyện và đảm bảo sự ổn định cho người con nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, giao người con chung Nguyễn Tấn Ph cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

[3.3] Bà H không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[3.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H khai không có tài sản chung và không có nợ chung. Ông Nguyễn Văn P không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà H phải nộp nhưng được cản trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án bà H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0009103 ngày 26/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9. Bà H đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thu H được ly hôn ông Nguyễn Văn P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 54/2003, quyển số 01 ngày 30/6/2003 do Ủy ban nhân dân phường B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Nguyễn Văn P và bà Trần Thị Thu H không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Bà Trần Thị Thu H được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 19/4/2004. Ghi nhận việc bà Trần Thị Thu H không yêu cầu ông Nguyễn Văn P cấp dưỡng nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom con chung.

Vì quyền lợi mọi mặt của người con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà H khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: 300.000 đồng bà Trần Thị Thu H phải nộp nhưng được miễn trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0009103 ngày 26/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9. Bà H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp vắng mặt thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:  
- TAND TP. HCM;  
- VKSND Quận 9;  
- Chi cục THADS Quận 9;  
- UBND P. B, Quận 9;  
- Đương sự;  
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Phương Thảo**